

Số: *LH* /KHTN-SDH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày *20* tháng 3 năm 2021

**THÔNG BÁO TUYỂN THĂNG**  
**ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2021- đợt 1**  
(Địa chỉ trang web: <https://sdh.hcmus.edu.vn/>)

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM thông báo kế hoạch **tuyển thăng** vào trình độ thạc sĩ năm 2021- đợt 1 như sau:

**1. DANH SÁCH CÁC NGÀNH TUYỂN THĂNG, CHỈ TIÊU TUYỂN THĂNG:** (*phụ lục 1*)

**2. ĐIỀU KIỆN TUYỂN THĂNG:** Ứng viên đăng ký tuyển thăng vào trình độ thạc sĩ phải thỏa các điều kiện sau đây:

**2.1 Về văn bằng tốt nghiệp đại học:**

Ứng viên là người tốt nghiệp trình độ đại học ở các Trường thuộc hệ thống ĐHQG-HCM và ĐHQG-HN có ngành đúng với ngành đăng ký tuyển thăng (*phụ lục 2*) và phải thỏa một trong các điều kiện như sau:

- Người tốt nghiệp đại học chính quy chương trình kỹ sư với chương trình đào tạo từ 150 tín chỉ trở lên;
- Người tốt nghiệp đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10);
- Người tốt nghiệp đại học chính quy là thủ khoa của ngành;
- Người tốt nghiệp đại học đạt giải nhất, nhì, ba các kỳ thi Olympic sinh viên trong nước và ngoài nước.

**2.2. Về thời gian sau khi tốt nghiệp đại học:** Văn bằng tốt nghiệp đại học còn trong thời hạn tối đa 24 tháng, tính từ ngày ký văn bằng tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ đăng ký tuyển thăng.

**2.3. Về trình độ ngoại ngữ:** có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại *phụ lục 3* thông báo này.

**2.4.** Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

**2.5.** Có đủ sức khỏe để học tập.

**2.6.** Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của thông báo này

**3. TIÊU CHÍ TUYỂN THĂNG:**

- **Trình độ ngoại ngữ:** Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ như qui định tại *phụ lục 3*
- **Xét duyệt hồ sơ đăng ký tuyển thăng:** Đạt yêu cầu về điều kiện tuyển thăng như qui định tại mục 2 thông báo này.
- **Đánh giá của Hội đồng tuyển sinh:** Hội đồng tuyển sinh Sau đại học sẽ duyệt danh sách ứng viên tuyển thăng căn cứ theo chỉ tiêu tuyển thăng, kết quả học tập ở bậc đại học từ cao xuống đến hết chỉ tiêu từng ngành.



#### 4. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG: Ứng viên nộp hồ sơ đăng ký tuyển thăng gồm:

- 02 Biên nhận hồ sơ đăng ký tuyển thăng (mẫu 1)
- 01 Đơn đăng ký tuyển thăng (mẫu 2)
- 01 Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học (có chứng thực sao y)
- 01 Bản sao bảng điểm tốt nghiệp đại học- tiếng Việt (có chứng thực sao y)
- 01 Bản sao minh chứng năng lực ngoại ngữ như qui định tại phụ lục 3
  - Nếu bản sao chứng chỉ/ chứng nhận: không cần chứng thực sao y.
  - Nếu bản sao văn bằng cử nhân thì phải có chứng thực sao y.
- 01 Giấy khám sức khỏe (tại phòng khám đa khoa quận, huyện còn thời hạn 12 tháng)
- 01 Sơ yếu lý lịch bản thân (mẫu 3 hoặc mẫu sơ yếu lý lịch xin việc làm)
- Bản chính xác nhận là sinh viên thủ khoa của ngành do cơ sở đào tạo bậc đại học cấp (nếu có)
- Bản sao các bằng khen đạt giải nhất, nhì, ba các kỳ thi Olympic sinh viên trong nước và ngoài nước (nếu có)

#### Lưu ý:

- Các bản sao yêu cầu chứng thực sao y phải còn thời hạn 12 tháng tính từ ngày chứng thực sao y đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.
- Các giấy tờ được photo hoặc trình bày trên khổ giấy A4 (trừ giấy khám sức khỏe theo mẫu của phòng khám)

#### 5. THỜI HẠN NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ:

- Ứng viên nộp hồ sơ đăng ký tại phòng Đào tạo Sau đại học (phòng B08), trường ĐH Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, P4, Q5, TP.HCM từ ngày **thông báo đến 16g ngày 15/04/2021** (giờ hành chính).

- Nhà trường chỉ nhận các hồ sơ đầy đủ, đúng qui định và đúng thời hạn.

- Đối với sinh viên sẽ tốt nghiệp đại học vào tháng 4/2021, **nộp bảng điểm toàn khóa (4 năm, có điểm trung bình toàn khóa) trước ngày 15/4/2021 và nộp giấy chứng nhận tốt trước ngày 4/5/2021.** Đồng thời nộp bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học **trước ngày 28/5/2021.** Sau thời hạn qui định trên các ứng viên không nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp hoặc bản sao bằng tốt nghiệp đại học sẽ bị hủy kết quả tuyển thăng.

**6. LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG:** 60.000đ/ ứng viên.

**7. KẾT QUẢ TUYỂN THĂNG:** công bố sau ngày 22/4/2021 tại website:  
<https://sdh.hcmus.edu.vn>

#### 8. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO HỌC

##### 8.1. Khung chương trình đào tạo của từng ngành

Thí sinh tham khảo khung chương trình đào tạo của từng ngành tại website  
<https://sdh.hcmus.edu.vn/khung-chuong-trinh-dao-tao-cao-hoc-cac-chuyen-nganh/>

##### 8.2. Thời gian đào tạo, lịch học và học phí:

- a) **Tổng thời gian đào tạo** chương trình thạc sĩ 2 năm hệ chính qui.
- b) Dự kiến mức thu trung bình: 24.320.000đ/ học viên/1 năm.
- c) Khóa tuyển sinh năm 2021- đợt 1 sẽ bắt đầu học phần chuyên môn vào tháng 12/2021.



**d) Lịch học trong tuần.**

❖ **Các ngành học ngoài giờ (các buổi tối trong tuần; sáng, chiều thứ 7 và chủ nhật):**

- Đại số và Lý thuyết số; Cơ sở toán cho tin- chuyên ngành Khoa học dữ liệu.
- Quang học; Vật lý vô tuyến và điện tử- chuyên ngành Vật lý ứng dụng; Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Vật lý địa cầu; Khí tượng; Vật lý kỹ thuật.
- Hóa học.
- KTĐT- chuyên ngành Điện tử-Viễn thông-Máy tính; KTĐT- chuyên ngành Vi điện tử và thiết kế vi mạch.
- Khoa học môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường.
- Địa chất học; Kỹ thuật địa chất.
- Sinh thái học.
- Khoa học vật liệu

❖ **Các ngành học vào thứ 6, thứ 7 và chủ nhật:** SHTN- chuyên ngành Sinh lý thực vật; SHTN- chuyên ngành Sinh lý động vật; Hóa sinh học; Di truyền học; Vi sinh vật học; Công nghệ sinh học.

❖ **Ngành Khoa học máy tính và ngành Hệ thống thông tin:** 70% môn học dạy ngoài giờ (các buổi tối trong tuần, thứ 7, chủ nhật); 30% môn học dạy trong giờ hành chính.

❖ **Các ngành còn lại học giờ hành chính:** học viên sẽ học 3-4 buổi/tuần. 

**Nơi nhận**

- Các Sở, Trường ĐH, CĐ, ...
- website: <https://sdh.hcmus.edu.vn>
- ĐHQG-HCM (để báo cáo)
- Lưu VT; SDH

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



  
Trần Lê Quan





**DANH MỤC NGÀNH VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN THĂNG  
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2021- ĐỢT 1**

Stt	Tên ngành/ chuyên ngành	Tổng chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021 (dự kiến)	Chỉ tiêu tuyển thẳng (% của tổng chỉ tiêu)
1	Khoa học máy tính	80	20%
2	Hệ thống thông tin	20	20%
3	Toán giải tích	22	25%
4	Đại số và lí thuyết số	24	25%
5	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	16	25%
6	Toán ứng dụng	20	25%
7	Toán ứng dụng, chuyên ngành Giáo dục toán học	23	25%
8	Cơ sở toán cho tin học, chuyên ngành Khoa học dữ liệu	39	25%
9	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	19	20%
10	Quang học	20	10%
11	Vật lý vô tuyến và điện tử, Chuyên ngành Vật lý ứng dụng	15	10%
12	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	25	20%
13	Vật lý địa cầu	5	10%
14	Hải dương học	Không tuyển	
15	Khí tượng và khí hậu học	10	10%
16	Vật lý kỹ thuật	13	10%
17	VLKT, chuyên ngành: Giảng dạy vật lý thực nghiệm	20	Không xét
18	KTĐT, chuyên ngành: Điện tử- viễn thông và máy tính	15	20%
19	KTĐT, chuyên ngành: Vi điện tử và thiết kế vi mạch	10	20%
20	Hoá học (gồm 5 định hướng: Hóa hữu cơ- hóa dược; Hóa phân tích và đảm bảo chất lượng; Hóa lý và hóa tính toán; Vật liệu vô cơ và chuyển hóa năng lượng; Polyme)	120	5%
21	Hóa hữu cơ- chuyên ngành Giảng dạy hóa học thực nghiệm	20	Không xét
26	SHTN, chuyên ngành: Sinh lý thực vật	16	25%
27	SHTN, chuyên ngành: Sinh lý động vật	26	10%
28	SHTN, chuyên ngành: Giảng dạy sinh học thực nghiệm	20	Không xét

<b>Stt</b>	<b>Tên ngành/ chuyên ngành</b>	<b>Tổng chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021 (dự kiến)</b>	<b>Chỉ tiêu tuyển thẳng (% của tổng chỉ tiêu)</b>
29	Hoá sinh học	<b>23</b>	20%
25	Vi sinh vật học	<b>19</b>	20%
30	Sinh thái học	<b>17</b>	20%
31	Di truyền học	<b>20</b>	20%
32	Công nghệ sinh học	<b>41</b>	25%
33	Địa chất học	<b>13</b>	10%
34	Kỹ thuật địa chất	<b>13</b>	10%
35	Khoa học môi trường	<b>31</b>	15%
36	Quản lý tài nguyên và môi trường	<b>37</b>	15%
37	Khoa học vật liệu	<b>45</b>	10%



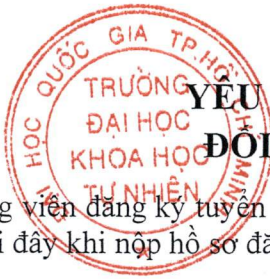


## DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG TUYỂN THĂNG TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Stt	Ngành đào tạo thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học
1.	Khoa học máy tính	Tin học; Công nghệ thông tin; Sư phạm Tin; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Hệ thống thông tin quản lý;
2.	Hệ thống thông tin	Tin học; Công nghệ thông tin; Sư phạm Tin; Tin học quản lý; Hệ thống thông tin quản lý; Hệ thống thông tin kinh tế, Công nghệ kỹ thuật máy tính
3.	Đại số và lý thuyết số	Toán học; Toán tin; Sư phạm Toán
4.	Toán giải tích	Toán học; Toán tin; Toán ứng dụng, Thống kê; Sư phạm Toán;
5.	Lý thuyết xác suất và TK toán học	Toán; Toán tin; Toán ứng dụng, Thống kê; Sư phạm Toán
6.	Cơ sở toán cho tin học, chuyên ngành Khoa học dữ liệu	Khoa học dữ liệu; Toán học; Toán tin; Toán ứng dụng; Khoa học tính toán; Toán cơ; Thống kê; Sư phạm Toán; Toán kinh tế; Công nghệ thông tin; Tin học
7.	Toán ứng dụng	Toán học; Toán tin; Toán ứng dụng; Toán cơ; Thống kê; Sư phạm Toán;
8.	Toán ứng dụng, chuyên ngành: Giáo dục toán học	Toán học; Toán tin; Toán ứng dụng; Thống kê; Sư phạm Toán;
9.	Vật lý lý thuyết và Vật lý toán	Vật lý, Sư phạm Lý
10.	Quang học	Vật lý; Khoa học Vật liệu, Sư phạm Lý; Vật lý kỹ thuật; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật điện tử-viễn thông;
11.	Vật lý vô tuyến và điện tử- chuyên ngành Vật lý Ứng dụng	Vật lý; Khoa học Vật liệu, Sư phạm Lý; Vật lý kỹ thuật; Kỹ thuật y sinh; Kỹ thuật điện tử-viễn thông;
12.	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	Vật lý, Sư phạm Lý, Vật lý hạt nhân; Kỹ thuật hạt nhân
13.	Vật lý kỹ thuật	Vật lý, Sư phạm Lý, Điện – Điện tử; Điện tử viễn thông; Khoa học vật liệu; Công nghệ thông tin; Toán-Tin;
14.	Vật lý địa cầu	Vật lý, Sư phạm Lý, Hải dương, Khí tượng khí hậu học
15.	Khí tượng khí hậu học	Vật lý, Sư phạm Lý, Hải dương; Khoa học môi trường; Kỹ thuật môi trường, Địa chất, Khí tượng khí hậu học
16.	Kỹ thuật điện tử: Điện tử-Viễn thông-Máy tính	Điện tử-Viễn thông; Điện-Điện tử; Vật lý điện tử; Vật lý Tin học; Kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật cơ khí
17.	Kỹ thuật điện tử: Vi điện tử và thiết kế vi mạch	Điện tử-Viễn thông; Điện-Điện tử; Vật lý điện tử; Vật lý Tin học, Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật cơ khí
18.	Hóa học	Hóa học, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật hóa học, Sư phạm hóa học, Khoa học vật liệu, Khoa học môi trường, Công nghệ môi trường, Dược học
19.	SHTN, chuyên ngành: Sinh lý thực vật	Sinh học, Sinh-Môi trường; Công nghệ sinh học, Sư phạm Sinh; Nông học; Khoa học cây trồng

Stt	Ngành đào tạo thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học
20.	SHTN, chuyên ngành: Sinh lý Động vật	Sinh học, Sinh-Môi trường; CNSH, Sư phạm Sinh
21.	Hóa sinh học	Sinh học, Sinh-môi trường, CNSH, Sư phạm Sinh
22.	Sinh thái học	Sinh học; Sinh-môi trường; Công nghệ sinh học, Sư phạm Sinh; Khoa học sự sống; Quản lý nguồn lợi thủy sản; Quản lý môi trường; Thiết kế cảnh quan
23.	Vi sinh vật học	Sinh học, Sinh-Môi trường, CNSH, Sư phạm Sinh
24.	Di truyền học	Sinh học, Sinh-Môi trường, CNSH, Sư phạm Sinh
25.	Công nghệ sinh học	Sinh học, Sinh-Môi trường, CNSH, Sư phạm Sinh; Khoa học cây trồng
26.	Địa chất học	Địa chất học, Kỹ thuật địa chất Địa kỹ thuật, Địa môi trường, Địa chất dầu khí, Địa vật lý, Vật lý địa cầu, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý tài nguyên khoáng sản, Kỹ thuật dầu khí, Khoa học Trái đất, GIS và viễn thám.
27.	Kỹ thuật địa chất	Kỹ thuật địa chất, Địa chất học Địa kỹ thuật; Kỹ thuật Xây dựng nền và móng; Địa chất Công trình; Địa chất Thủy văn; Địa chất Môi trường; Địa chất Dầu khí; GIS và viễn thám; Địa vật lý; Khoa học Trái đất
28.	Khoa học môi trường	Khoa học Môi trường, Kỹ thuật Môi trường, Công nghệ môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai, Quản lý biển đảo và đới bờ.
29.	Quản lý tài nguyên và môi trường	Khoa học Môi trường, Kỹ thuật Môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai, Quản lý biển đảo và đới bờ.
30.	Khoa học vật liệu	Khoa học vật liệu; Công nghệ vật liệu; Khoa học và công nghệ vật liệu; Vật liệu tiên tiến; Vật liệu và linh kiện nano; Khoa học và công nghệ nano; Khoa học và kỹ thuật vật liệu điện tử; Khoa học và kỹ thuật vật liệu kim loại; Khoa học và kỹ thuật vật liệu phi kim; Vật lý chất rắn; Vật lý kỹ thuật; Vật lý ứng dụng; Vật lý điện tử; Hóa vật liệu; Vật liệu y sinh; Vật liệu sinh học; Công nghệ kỹ thuật hóa học





## YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ ĐỐI VỚI ỨNG VIÊN TUYỂN THĂNG

Ứng viên đăng ký tuyển thăng phải đạt một trong các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ như qui định dưới đây khi nộp hồ sơ đăng ký tuyển thăng gồm:

**1. Có chứng chỉ hoặc chứng nhận** còn thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký tuyển thăng và được cấp bởi một cơ sở do Bộ GD&ĐT hoặc ĐHQG-HCM công nhận, gồm các chứng chỉ sau:

a) Chứng chỉ ngoại ngữ theo Quy chế đào tạo Đại học hiện hành của ĐHQG-HCM. Cụ thể các chứng chỉ được áp dụng và thang điểm tối thiểu như sau:

**a.1) Chứng chỉ tiếng Anh:**

IELTS (IDP; HĐ Anh cấp)	TOEFL (ETS cấp)	TOEIC (ETS cấp)	Cambridge Exam*	BEC*	Bulats*	VNU-EPT (ĐHQG-HCM cấp)
4.5	450 ITP; 133 CBT; 45 iBT	L-R: 450 và S-W: 181	PET	Preliminary	40	176

(\*): các chứng chỉ do Cambridge Assessment English cấp

**a.2) Chứng chỉ và chứng nhận tiếng Anh:** Sinh viên khóa tuyển năm 2013 đến khóa năm 2017 các trường thuộc ĐHQG-HCM có chứng chỉ TOEIC (L-R)  $\geq$  450 điểm do ETS cấp và đạt kỳ thi 2 kỹ năng Nói – Viết (S-W)  $\geq$  200 điểm do trường ĐH Khoa học Tự nhiên hoặc trường ĐH Bách Khoa chứng nhận.

**a.3) Ngoại ngữ khác:**

Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
TRKI 1	DELFB1; TCF B1	B1 ZD	HSK level 3	JLPT N4	TOPIK 3

b) Chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương B1 theo CEFR) của các cơ sở đào tạo được Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM công nhận. Cụ thể chỉ áp dụng chứng chỉ do các cơ sở đào tạo dưới đây cấp:

- Khu vực phía Bắc gồm: Đại học Ngoại ngữ (ĐHQG-HN), Đại học Thái Nguyên, Đại học Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội, Học viện An ninh Nhân dân.
- Khu vực phía Nam gồm: Đại học Sư phạm TP.HCM, Đại học Cần Thơ, Đại học Sài Gòn, Đại học Ngân hàng TP.HCM, Đại học Trà Vinh, Đại học Văn Lang.
- Khu vực miền Trung gồm: Đại học Ngoại ngữ (Đại học Huế), Đại học Ngoại ngữ (Đại học Đà Nẵng), Đại học Vinh, Đại học Quy Nhơn; Đại học Tây Nguyên

**2. Có văn bằng ngoại ngữ như qui định sau:**

**a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam có một trong những minh chứng sau:**

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là 1 trong 7 ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Hàn, Nhật. Văn bằng tốt nghiệp nước ngoài phải được Cục Quản lý chất lượng- Bộ GD&ĐT xác minh trước khi nộp xét miễn ngoại ngữ;



- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

- Có bằng tốt nghiệp đại học trong nước các chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh không qua phiên dịch được Bộ GD&ĐT hoặc ĐHQG-HCM công nhận;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài thuộc 1 trong 7 ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn.

**b) Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh Hiệp định** (là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định ngoại ngữ của cơ sở đào tạo. Trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thì được miễn yêu cầu về ngoại ngữ.